

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21/02/2024

"Về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Quang Khuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Nghi, bà Đoàn Thị Chuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.

- Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị N**- sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện M, tỉnh D.

Chỗ ở: Thôn Kh, xã B, huyện M, tỉnh D.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Tr**- sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện M, tỉnh D.

Tại phiên tòa các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị **Vũ Thị N** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Văn Tr** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 03/01/2017. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cách sống, sinh hoạt và trong làm ăn kinh tế không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn càng tăng nhất từ tháng 02/2023, do áp lực nên chị đã bỏ về nhà để ở Thôn Kh, xã B, huyện M, tỉnh D. Sau khi chị về nhà để ở, anh **Tr** không tìm chị lần nào, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2023 không còn quan tâm đến nhau cả về vật chất và tình cảm, không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh **Tr** không còn, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh **Tr**

Chị và anh **Tr** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Anh T**, sinh ngày 23/02/2018 và cháu **Nguyễn Quỳnh A**, sinh ngày 10/7/2019. Ly hôn chị đề nghị mỗi người nuôi một con, chị nuôi dưỡng cháu **Quỳnh A**, anh **Tr** nuôi dưỡng cháu **T**, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Chị không đồng ý để anh **Tr** nuôi cả

hai con vì khi chị bỏ về nhà ở chị đã đưa cháu Quỳnh A đi cùng nhưng anh Tr và bố mẹ anh Tr không cho chị đưa con đi nên chị đề đến khi Tòa án giải quyết ly hôn thì chị đề nghị được nuôi con. Chị làm công ty ở gần nhà, thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng, đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi con. Chị đang ở cùng với bố mẹ, nhà cửa rộng rãi, điều kiện về nơi ăn chỗ ở đảm bảo, bố mẹ chị vẫn khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho chị nuôi con. Điều kiện nơi ăn ở và thu nhập của anh Tr cũng đảm bảo, đủ điều kiện để nuôi con, do vậy chị đề nghị mỗi người nuôi một con, cháu Quỳnh A còn nhỏ nên chị đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi cháu Quỳnh A, anh Tr nuôi dưỡng cháu T. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung và nợ chung.

Quá trình làm việc với Tòa án, quá trình khai tại Tòa án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Văn Tr trình bày: Anh xác định về điều kiện, thời gian kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị N. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn Nguyên nhân do thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt và phát triển kinh tế trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 02/2023 chị N đã bỏ về nhà ở và từ đó không về chung sống với anh nữa. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 02/2023 đến nay không quan tâm đến nhau. Anh xác định tình cảm giữa anh và chị N không còn, không thể hàn gắn được, chị N xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn.

Anh và chị Vũ Thị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 23/02/2018, cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 10/7/2019, hai con hiện đang ở với anh, anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho anh tiếp tục nuôi dưỡng hai con, anh tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh không đồng ý để chị N nuôi một con vì các con đang ở ổn định. Anh không muốn cuộc sống của hai con bị xáo trộn, không muốn hai con phải tách nhau ra. Anh đang làm ở công ty bảo hiểm Nhân Thọ thu nhập từ 30 triệu đến 40 triệu đồng/tháng, anh đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con đến khi trưởng thành, anh tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con với anh. Điều kiện về nơi ăn chỗ ở đảm bảo tốt cho bố con anh, bố mẹ anh vẫn khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho anh việc nuôi dưỡng hai con. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung và nợ chung.

Lời khai của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị L xác định: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Tr và là ông bà nội của cháu Nguyễn Anh T, cháu Nguyễn Quỳnh A. Quá trình chung sống, chị N, anh Tr đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong quản lý kinh tế. Chị N đã bỏ về nhà ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2023 không quan tâm đến nhau. Việc chị N xin ly hôn anh Tr là do anh chị tự quyết định, ông bà không can thiệp. Anh Tr, chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 23/02/2018, cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 10/7/2019, nguyện vọng của anh Tr là được tiếp tục nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung, ông bà đồng ý với ý kiến anh Tr Đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh Tr Trường hợp Tòa án giao cho anh Tr nuôi hai con, ông bà sẵn sàng hỗ trợ việc chăm

sóc các con anh Tr Quá trình chung sống vợ chồng anh Tr, chị N không có công sức đóng góp gì với ông bà.

Lời khai của bà Vũ Thị Ch xác định: Bà là mẹ đẻ của chị Vũ Thị N và là bà ngoại của cháu Nguyễn Anh T, cháu Nguyễn Quỳnh A. Trong thời gian chung sống anh Tr, chị N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tháng 02/2023 chị N đã bỏ về ở cùng với ông bà và vợ chồng sống ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau. Việc chị N xin ly hôn anh Tr là do chị N tự quyết định. Vợ chồng anh chị ấy có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T, cháu Nguyễn Quỳnh A, các cháu đang ở với bố, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N. Nhà đất ông bà rộng rãi, nếu chị N được nuôi một con ông bà sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho mẹ con chị N. Quá trình chung sống vợ chồng anh Tr, chị N không có công sức đóng góp gì với ông bà.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã Tứ Cường xác định: Anh Tr, chị N có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Trong thời gian chung sống, chị N, anh Tr có xảy ra mâu thuẫn, chị N đã bỏ về nhà đẻ ở. Việc mâu thuẫn cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được. Khi mâu thuẫn giữa chị N, anh Tr không mời địa phương và các đoàn thể hòa giải. Nay, chị N xin ly hôn anh Tr, đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải, nếu anh chị không thể về chung sống với nhau thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị N, anh Tr giữ nguyên quan điểm chị N xin ly hôn, anh Tr nhất trí ly hôn. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết mỗi người nuôi một con, giao cho chị nuôi dưỡng cháu Quỳnh A, anh Tr nuôi dưỡng cháu T, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Anh Tr không đồng ý với ý kiến của chị N, anh đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi dưỡng cả hai con, anh tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị N, anh Tr không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn Tr.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 23/02/2018 cho anh Nguyễn Văn Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 10/7/2019 cho chị Vũ Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Tr, chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị N, anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Vũ Thị N là nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn Tr là bị đơn; Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện M, tỉnh D; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị Vũ Thị N nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 03/01/2017. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cách sống, sinh hoạt và trong làm ăn kinh tế không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2023 không còn quan tâm đến nhau. Chị N, anh Tr đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, chị N xin ly hôn anh Tr nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn Tr đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn Tr.

[3] *Về con chung:* Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn Tr có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 23/02/2018, cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 10/7/2019, các cháu hiện đang ở với anh Tr ly hôn chị N đề nghị Tòa án giao cho mỗi người nuôi một con, chị nuôi dưỡng cháu Quỳnh A, anh Tr nuôi dưỡng cháu T, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Anh Tr đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con với anh. Xét nguyện vọng của chị N, anh Tr thấy rằng: Chị N làm công ty lương thu nhập từ 7.000.000đ đến 8.000.000 đồng/tháng, bố mẹ chị cam kết hỗ trợ chị trong việc chăm sóc con chị, về nhà đất cũng đảm bảo điều kiện cho mẹ con chị một cách tốt nhất. Đối với anh Tr làm ở công ty bảo hiểm Nhân Thọ thu nhập từ 30 triệu đến 40 triệu đồng/tháng, bố mẹ anh cam kết hỗ trợ anh trong việc chăm sóc các con, về nơi ăn ở anh đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống tốt để anh nuôi dưỡng hai con đến khi trưởng thành. Chị N, anh Tr đều có chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện đảm bảo để nuôi con. Mặc dù anh Tr có mức thu nhập cao hơn chị N nhưng chị N không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Quỳnh A cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Anh T cho anh Tr tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và vẫn có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp*: Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn Tr, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Vũ Thị N khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn Tr.

2- *Về con chung*: Xử giao cháu Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 10/7/2019 cho chị Vũ Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 23/02/2018 cho anh Nguyễn Văn Tr tiếp tục, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Chị N, anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- *Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp*: Không xem xét giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số: 0001519 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị N đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5- *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt, Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện;
- (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Quang Khuyến